

# TỪ LÁY MỚI TRONG THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

LÊ THỊ THÙY VINH\*

**TÓM TẮT:** Thơ Việt Nam đương đại chứa đựng nhiều thể nghiệm sáng tạo. Một trong những thể nghiệm đó là thể nghiệm trong cách sử dụng ngôn từ. Nhiều từ ngữ mới ra đời phản ánh cách nhìn đời sống, thế giới nội tâm, cách tư duy và cảm xúc của các tác giả. Trong bức tranh cấu tạo từ sinh động ấy, từ láy là loại từ xuất hiện khá nhiều. Là sự hòa phối ngữ âm giữa các yếu tố của các âm tiết và có tác dụng biểu trưng hóa ý nghĩa, từ láy có khả năng biểu đạt rõ rệt tâm trạng, tình cảm, cảm xúc và miêu tả thế giới xung quanh. Từ láy góp phần làm cho bức tranh ngôn ngữ văn học nói riêng và bức tranh cấu tạo từ của tiếng Việt nói chung trở nên đa dạng, phong phú và nhiều màu sắc.

**TỪ KHÓA:** từ láy mới; thơ Việt Nam đương đại.

**NHẬN BÀI:** 2/10/2017. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 4/11/2017

## 1. Đặt vấn đề

**1.1.** So với các phương thức cấu tạo từ khác, láy là một phương thức tạo từ đặc sắc của tiếng Việt. “Là sự hòa phối ngữ âm giữa các yếu tố tương ứng của các âm tiết và có tác dụng biểu trưng hóa” [3;tr.6], “chuyên biệt hóa về nghĩa”, có thể coi “mỗi từ láy chứa đựng trong mình một sự thể hiện rất tinh tế và sinh động về sự cảm thụ chủ quan, về cách đánh giá và thái độ của người nói trước sự vật và hiện tượng của đời sống xã hội” [3;tr.6]. Cho nên, không phải ngẫu nhiên từ láy là “phương tiện tạo hình đặc lực của văn học nghệ thuật, đặc biệt là của thơ ca” [3;tr.6].

**1.2.** Trong quá trình hiện đại hóa từ vựng, một trong những biểu hiện sinh động và rõ ràng nhất là sự hình thành, bổ sung và phát triển các từ ngữ mới của tiếng Việt. Mặc dù không chiếm vị thế chủ đạo như từ ghép nhưng từ láy cũng chứng tỏ khả năng tạo từ mới của mình trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm, những cung bậc cảm xúc tinh vi ở người sử dụng ngôn ngữ.

**1.3.** Thơ Việt Nam đương đại phản ánh khá rõ nét bước ngoặt quan trọng trong định hình và phát triển một giai đoạn văn học Việt Nam vừa đa diện vừa phức tạp. Điểm nổi bật ở các sáng tác thơ thời kỳ này là sự đa dạng, trẻ trung, tươi mới và giàu chất trí tuệ, đặc biệt những xúc cảm riêng tư được phô diễn trong những hình thức nghệ thuật có nhiều tìm tòi đổi mới. Chính điều đó đã tạo điều kiện để bức tranh cấu tạo từ tiếng Việt nói chung cũng như từ láy nói riêng có tính đa dạng, phong phú và nhiều màu sắc. Nhiều từ láy mới ra đời phản ánh những nỗ lực cách tân đưa thơ ca thâm nhập sâu hơn vào những khía cạnh bộn bề và phức tạp của đời sống và tinh thần con người, đặc biệt ở những vấn đề của con người cá nhân.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Từ láy và từ láy mới trong tiếng Việt

Trên cơ sở coi láy là một cơ chế, Đỗ Hữu Châu cho rằng từ láy “là những từ được cấu tạo theo phương thức láy, đó là phương thức lặp lại toàn bộ hay bộ phận hình thức âm tiết (với thanh điệu giữ nguyên hay biến đổi theo quy tắc biến thanh, tức là quy tắc thanh điệu biến đổi theo hai nhóm: nhóm cao: thanh hỏi, thanh sắc, thanh ngang và nhóm thấp: thanh huyền, thanh ngã, thanh nặng) của một hình vị hay đơn vị có nghĩa” [1;tr.38). Như thế, trong xem xét từ láy, mặt ngữ âm được coi là dấu hiệu cơ bản. Từ đó, giá trị biểu trưng hóa, tạo nghĩa trong từ láy mới xuất hiện.

Từ láy mới là những từ láy mang đầy đủ những đặc điểm của từ láy nói chung về mặt ngữ âm và ngữ nghĩa. Tính mới của từ láy (theo chúng tôi) được xác định trong một giai đoạn và một phạm vi tương đối nào đó. Vì thế, chúng phải thỏa mãn hai điều kiện: 1/Là những từ láy

\* TS; Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Email: thuyvinh0610@gmail.com

xuất hiện trong giai đoạn gần đây (từ 1986 đến nay); 2/Là những từ láy hoàn toàn mới hoặc đã từng có mặt trong vốn từ vựng nhưng chưa được đưa vào một cuốn từ điển nào. Ở đây, chúng tôi đối chiếu với cuốn *Từ điển từ láy tiếng Việt*, *Từ điển tiếng Việt* (tái bản gần đây) để xác định từ láy mới.

## 2.2. Từ láy mới trong thơ Việt Nam đương đại

### 2.2.1. Khái quát

Khái niệm “đương đại” trong văn học Việt Nam cho đến nay vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau. Một cách chung nhất, người ta thường dùng khái niệm này để chỉ giai đoạn văn học gần trong khoảng từ mười năm đến hai mươi năm tính từ sau 1986, khi nhà nước ta thực hiện đổi mới toàn diện trong đó có cõi trời cho văn học nghệ thuật. Cùng với những biến đổi về tư duy sáng tác, thơ Việt đương đại còn chứa đựng những thể nghiệm ngôn từ của người nghệ sĩ. Nhiều từ ngữ mới nói chung và từ láy mới nói riêng được các nhà thơ sáng tạo để phản ánh cách nhìn đời sống, thế giới nội tâm, cách tư duy và cảm xúc của con người trong giai đoạn này. Dẫu ở một góc độ nào đó, đi quá xa vào việc làm mới ngôn từ cũng dẫn đến tính khó hiểu và tối nghĩa, nhưng vẫn phải khẳng định rằng các từ ngữ mới nói chung và từ láy mới nói riêng trong thơ Việt đương đại đã thể hiện rất rõ quá trình phát triển nội tại của hệ thống ngôn ngữ, là tiền đề quan trọng cho sự đa dạng và phong phú trong bức tranh cấu tạo từ tiếng Việt.

### 2.2.2. Một số kiểu từ láy mới trong thơ Việt Nam đương đại

Để thống kê các từ láy mới trong thơ Việt Nam đương đại, chúng tôi đã khảo sát 30 tập thơ của các nhà thơ đương đại là Vi Thùy Linh, Nguyễn Thế Hoàng Linh, Bình Nguyên Trang, Trần Hoàng Thiên Kim, Phan Huyền Thư, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Du Thị Hoàn, Nguyễn Duy. Căn cứ vào quan niệm từ láy mới đã được xác định ở trên, chúng tôi thu được 450 từ láy mới được chia thành 3 kiểu sau đây:

Kiểu từ láy mới	Số lượng từ láy	Tỉ lệ phần trăm
Thay đổi trật tự các tiếng của từ có sẵn	150 từ	33,3 %
Thay đổi hình thức ngữ âm của từ có sẵn	40 từ	8,89 %
Từ láy hoàn toàn mới	260 từ	57,78 %
Tổng số	450 từ	100%

#### a) Từ láy được tạo ra bằng cách thay đổi trật tự các tiếng của từ có sẵn

Đây là kiểu từ láy chiếm số lượng khá nhiều trong thơ Việt Nam đương đại (33,3%). Bởi đây là cách đơn giản nhất để tạo từ láy mới với những sắc thái ý nghĩa mới. Thống kê cho thấy có những từ láy điển hình như: *đạm điềm, ve vuốt, oải uể, ri rên, ngụt ngụt, hột hời, ngào ngào, xâu xương, đẹp đêm, xao xôn, rọt rành, tưng tưng, rươi rươi, xạc xào, lọc lừa, xa xót...*

Từ láy được tạo ra theo xu hướng này làm “lạ hóa” cách diễn đạt cũng như góp phần tăng nhạc điệu của bài thơ. Chẳng hạn, dưới đây là lời cầu xin của đứa con gửi mẹ mong mẹ tha thứ vì đã quên lời mẹ:

*Tha thứ cho con, mẹ/Con đã quên lời mẹ ân cần/Con nhầm tưởng mình đã biết đại khôn/Con nhầm tưởng mình không là đứa trẻ/Trăm năm thềm tiếng võ vè/Mẹ đừng im lặng thế/Mẹ đừng xa xót thế (Gửi mẹ - Bình Nguyên Trang)*

Đặt trong thể tương liên với câu thơ đi trước thì từ láy “xa xót” đảm bảo tính đối xứng về thanh điệu với từ ghép “im lặng” (xót và lặng ở vị trí thứ 4 trong câu thơ đều là thanh trắc). Điều này góp phần nói lên cái băn khoăn của đứa con trước thái độ của bà mẹ.

Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh sáng tạo từ láy mới chủ yếu theo cách này: đảo trật tự vị trí các yếu tố trong từ láy, như *đạm điềm/điềm đạm, ri rên/rên ri, rọt rành/rành rọt, ngào ngọt/ngọt ngào*, v.v. Ví dụ:

*Rượu chưa ngấm đời đã xinh/Đạm điềm mà/vấn vung vinh vậy vừng*

(Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Tặng quê hương tôi*)

*Đã bao lần chôn thơ xuống/Để lần sau trot cào lên/Vất những dòng thơ uế oái/Cho ra một chút ri rên* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Không tên 10*)

*Giận em không nói rọt rành/Anh làm em sợ bởi anh lạnh lùng* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Giận*)

*Đã bao giờ em cho anh cơ hội/Nhá thời gian đang gặm nhấm tóc em/Anh nào biết tóc em ngào ngọt thế* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Đã bao giờ*)

Không chỉ tạo ra sự thay đổi về ngữ âm để kiến tạo những dòng thơ, những từ láy được tạo ra theo kiểu này cũng có tác dụng phóng họa tâm trạng của nhân vật trữ tình.

*Cô đơn trên bãi trưa hanh/Mùa đi rung cây lá đổ/Phải dần dừ và cũng mềm như gió/Gió từ biển xanh mang sắc của trời* (Mai Văn Phan, *Màu xanh*)

Nếu như “dừ dừ” có nghĩa là điệu bộ, dáng vẻ bên ngoài trông khác thường, gây cảm giác đáng sợ thì từ láy “dần dừ” ở đây đã ít nhiều đẩy cường độ của cảm giác này lên một mức cao hơn để tạo ra sự đối chọi với “mềm như gió”. Điều này góp phần thể hiện tâm trạng của nhà thơ trong dòng thời gian hồi hã của “trái đất - căn nhà hộ sinh”. Ở những trường hợp khác, chúng ta cũng thấy rõ điều này:

*Những bài thơ không dở không hay/Như cái cảnh hôm nay hoài vô kê/Trời nửa rạng nửa như oái uế/Thức dậy rồi lại kén kén trùm chăn* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Không tên 1*)

*Dùng dằng gió dập dềnh sương/Từng tung xe điện giật chuông cà tàng* (Nguyễn Duy, *San Francisco, 5/8/95*)

Vấn mang những thông tin cơ bản của từ láy đã có sẵn “uế oái” (hoạt động chậm chạp, thiếu hăng hái, tỏ ra mệt mỏi hoặc chán nản), tung tung (cách nói năng buông tung câu ngắn gọn biểu thị thái độ không coi điều đang nói tới là quan trọng), những từ láy mới chỉ khác ở những dấu hiệu bổ sung có tính cường độ (oái uế: sự chán nản cứ trở đi trở lại đến mức mệt; tung tung: thái độ bàng quan, không chú ý, không coi trọng điều gì).

Như thế, việc đảo trật tự vị trí các yếu tố trong từ láy có sẵn để tạo từ láy mới trước hết là để tạo ra tính nhạc có sự khác biệt trong thơ, sau nữa những từ láy này cũng góp phần thể hiện những xúc cảm, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

#### **b) Từ láy được tạo ra bằng cách thay đổi hình thức ngữ âm của từ láy có sẵn**

Trên cơ sở từ láy sẵn có, các nhà thơ đã thay đổi một phần hình thức ngữ âm (thanh điệu, âm đầu, vần) để tăng sắc thái biểu đạt. Tuy nhiên, sự thay đổi này vẫn làm cho người đọc có thể liên tưởng ra được từ láy ban đầu.

*Tôi những tưởng em thích ngác ngây/Chà ai ngờ ngán bằng tôi đây* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Tôi những tưởng*)

“Ngác ngây” được tạo ra trên cơ sở của “ngác ngờ” (đảo vị trí của từ láy “ngờ ngác”). Có điều “ngác ngây” khác với “ngác ngờ” ở chỗ nó là trạng thái không định thần đến mức như khờ dại của nhân vật trữ tình trước một sự việc xảy ra quá bất ngờ. Sắc thái biểu đạt của từ láy này tập trung ở hình vị “ngây” để thể hiện sự ngây ngô, khờ dại mà chàng trai những tưởng ở cô gái.

Trong “Tình tự ca”, để thể hiện tình yêu của Em với Anh trong những đêm tình tự, Vì Thùy Linh viết:

*Lúc 12 giờ đêm đến gần Anh đang đợi/Phòng ngủ biển xanh mây bay thiên thanh  
Chiếc giường đàn hương - máy bay bằng gỗ/Dâng mình lên theo cơ thể ngút ngàn*

Từ láy “ngút ngàn” thể hiện cái cường độ mạnh mẽ, lan tỏa trong sự dâng hiến, trong tình yêu của người đàn bà. Từ láy này bắt nguồn từ từ láy gốc “ngút ngàn”, nhưng “ngút ngàn” chỉ thể hiện được sự trải rộng, sự lan tỏa. Tâm điểm của ý thơ này nhấn mạnh vào hình vị “ngút” với tính chất mạnh mẽ, cường độ lớn.

Về cơ bản, ý nghĩa của từ láy mới được tạo ra dựa trên cơ sở ý nghĩa hình vị gốc rồi ghép thêm một hình vị của từ láy đã có. Những từ láy được tạo ra theo kiểu này không nhiều (8,89%), tuy nhiên cũng có thể đơn cử những trường hợp sau: *rộn rĩ (rộn rã), mỏng mai (mỏng manh), tràn trụa (giàn giụa), nhều nhào (thều thào), bực bõ (bực bội), rả rẫm (rờ rẫm), óe ọt (ẻo ọt), nhỏ nhoáy (nhí nhoáy), lí rí (lí nhí), ...*

### c) Từ láy mới hoàn toàn

Đây là những từ láy hoàn toàn mới được nhà thơ sáng tạo ra để thể hiện cách nhìn về cuộc sống, về con người cũng như là tâm sự của nhân vật trữ tình. Theo thống kê của chúng tôi, đây là kiểu loại chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng số từ láy mới được tạo ra (57,78%). Từ láy mới hoàn toàn có thể chia thành 2 dạng:

-Dạng 1: Từ láy mới được hình thành bằng cách lặp lại hoàn toàn cấu trúc âm tiết của hình vị cơ sở như *tan tan, mừng mừng, ru ru, kén kén, veo véo, nhòn nhọn, phai phai, thiu thiu, thiu thiu, ủa ủa, vui vui, đơn đơn...*

-Dạng 2: Từ láy mới được hình thành bằng cách lấy lại phụ âm đầu hoặc phần vần của hình vị gốc như *thơ thác, thao thác, tao tác, bông bênh, mỏng mai, mu mơ, rữ rợ, uơn ái, mớn mơ, nẫu nà, run rí, tung tành, ngái ngạt, rong ranh, tràn trụa, bít bùng, rạc rã, gù gờ, lanh tanh, liêu phiêu, lang bang, lẳng thẳng, loang toàng, tuầy huầy...*

Ở dạng thức thứ nhất, chúng tôi nhận thấy, các nhà thơ đương đại đã tận dụng triệt để cách thức cấu tạo của kiểu láy hoàn toàn để tạo dựng từ mới. Chỉ cần lặp lại các thành phần trong cấu trúc âm tiết của hình vị cơ sở, căn cứ vào nhạc tính của câu thơ là có thể tạo ra một từ láy mới ở dạng thức hoàn toàn. Dẫu có lúc nào đó, việc thể nghiệm những từ láy kiểu này cũng tạo ra sự khó hiểu ở độc giả, nói khác đi dường như đó là thứ trò chơi ngôn từ “đánh đố” người đọc.

*Giữa đêm và sáng mùa thu/Mặt trăng thiu thiu ru ru mặt trời* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Dịu*)

*Thiu thiu nắng ngủ trong bàn tay/Tan tan theo những giấc mơ ngày/Nắng cũng dịu dàng như là gió/Gió cũng dịu dàng như là mây* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Mùa dịu*)

*Tôi đâu cần em phải đến bên/Cứ vui vui trong khoảng trời riêng giấu* (Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Thừa*)

Tất nhiên cũng có những từ láy khá đặc địa thể hiện cảm nhận tinh tế của nghệ sĩ:

*Ngục chang chang mùa hè/Lưng đã ngậy ngậy gió/Cửa trời đang bỏ ngõ/Cho thu về se se* (Mai Văn Phan, *Thu về*)

Bốn từ láy được sử dụng liên tiếp, trong đó có một từ láy đáng chú ý là “ngậy ngậy”. “Ngậy ngậy” tuy không phải là từ láy mới trong tiếng Việt nhưng trong văn cảnh này do kết hợp với gió nên nó có sự chuyển đổi về sắc thái ý nghĩa, chuyển từ nghĩa chỉ cảm giác béo vì có nhiều mỡ sang chỉ cảm giác của da thịt khi đón nhận gió thu. “Ngậy ngậy” diễn tả chuyển động của gió thu chưa rõ ràng mà mới chỉ thoảng qua khi mùa hè vẫn còn rất nắng.

Từ láy mới hoàn toàn có số lượng nhiều nhất tập trung ở dạng thức thứ hai. Dường như đến đây, biệt tài của các nhà thơ trong việc sáng tạo từ ngữ mới thể hiện rõ rệt nhất. Trong

“Người dệt tầm gai” của Vi Thùy Linh, nhân vật trữ tình Em yêu Anh đến cuồng điên, lúc nào cũng mong mỗi đêm từng ngày Anh đến. Tình yêu ấy tan hòa vào cảnh vật hay chính cảnh vật trong thơ Vi Thùy Linh đã phần nào nói lên tình yêu trọn vẹn của người đàn bà:

*Em mong mỗi/Em (có lúc) như một tội đồ nông nổi/Gió làn gió thổi sương thao thác/Đêm run theo tiếng nấc/Về đi Anh!*

Cái thao thác của gió, của sương hay chính là cái thao thác trong tâm trạng mong chờ người yêu của cô gái. Từ láy “thao thác” vừa diễn tả được sự suy nghĩ, không yên của nhân vật trữ tình vào ban đêm vừa thể hiện được quãng thời gian dài trải, mỏi mong (âm “a” với độ mở rộng).

Ở “Giấc mơ đi qua”, Vi Thùy Linh cũng sử dụng một từ láy mới để thể hiện sự yêu thương, sự khao khát của nhân vật Em

*Đêm rơi qua dải khăn mây/Gió đợi chờ nhau thơ thác/Này dệt yêu thương*

Có nhiều trường hợp, các tác giả tạo ra một từ láy mới dựa trên âm hưởng của các từ láy đã có sẵn trong ngôn ngữ dân tộc. Dưới đây là những trường hợp như thế:

- *Phơi hồn cảm chường liêu phiêu/Bóng VanGogh đổ lệch chiều cô đơn/Cong cong cầu đá soi gương/Giọt mưa phố cổ gieo buồn lòng ta* (Nguyễn Duy, *Amsterdam, Mùa phơi*)

Sự xuất hiện của từ láy “liêu phiêu” ở cuối câu lục thứ nhất không những có tác dụng hòa âm mà còn có tác dụng thể hiện tâm trạng của Nguyễn Duy khi ông nhớ tới danh họa thiên tài Van Gogh. Từ láy “liêu phiêu” làm ta liên tưởng đến các từ láy “phiêu diêu” “liêu xiêu” tuy nhiên cái ấn tượng mà nó tạo ra lại không phải song trùng với những từ láy này. Ấn tượng đó có ý nghĩa tổng hợp để chỉ một cái gì đó không đứng vững (bắt nguồn từ *liêu xiêu*), phiêu dạt và bay bổng (bắt nguồn từ *phiêu diêu*).

- *Tháng giêng mưa dưới bến/Mông mai có lái đò*

*Mắt mưa em lúng liếng/Trời tôi bằng vu vơ* (Nguyễn Quang Thiều, *Mưa tháng giêng*)

Từ láy “mông mai” khiến ta liên tưởng đến những từ láy đã có sẵn như “mông manh”, “mong manh” (gợi cảm giác rất mỏng, không chắc chắn, không đủ sức chịu đựng). Nhưng “mông mai” trong con mắt của Nguyễn Quang Thiều ngoài sự không chắc chắn được thể hiện với cường độ rất nhẹ, rất khẽ còn là cái yếu đuối, tình tứ của cô lái đò trong khung cảnh ngày mưa tháng giêng.

*Rượu hút cạn/Ngón tay rỗng buốt*

*Nín thở nghe nước xiết/Phơi khô uơn ái sông dài* (Mai Văn Phấn, *Đối thoại với thời gian*)

Trước thời gian, con người cảm thấy “nặng trĩu”, “lỗi lầm”, lạc loài, tâm trạng đó dồn nén trong rượu. Cho nên, cái “uơn ái” của sông dài ở đây không chỉ thể hiện ngoại cảnh “tính chất hơi có nước” (phù hợp với chủ thể sông) (bắt nguồn từ từ láy “uơn ướt”) mà còn thể hiện cái tình trước nhân thế (bắt nguồn từ từ láy “ái ân”).

Ba cách tạo từ láy mới trong tiếng Việt trên đây theo chúng tôi là những kiểu tạo từ láy không mới. Bởi nó vẫn nằm trong cơ chế chung của phương thức láy hình vị trong tiếng Việt. Tuy nhiên, do chuyển tải những sắc thái ý nghĩa mới (đặc điểm sắc thái hóa ý nghĩa hay đột biến về nghĩa so với hình vị cơ sở) để đáp ứng nhu cầu biểu đạt trong đời sống tinh thần đa diện, phức tạp của con người của xã hội đương đại mà trước đây không có cho nên những từ láy này được coi là từ láy mới. Nó ít nhiều đã tạo ra những ấn tượng rõ rệt trong việc thể hiện cách quan sát, cách tư duy và tâm trạng của các nhà thơ đương đại.

### 3. Kết luận

1) Quan sát cách sử dụng các đơn vị từ vựng về mặt cấu tạo trong các tác phẩm thơ Việt Nam đương đại, có thể nhận thấy từ láy là kiểu từ thể hiện rõ nhất năng lực sáng tạo, sự tìm tòi

về khả năng biểu hiện của người nghệ sĩ. Bởi đây là nhóm từ khi tham gia vào tổ chức văn bản thơ thường không mang nội dung thông tin cơ bản mà mang giá trị thông tin bổ sung. Hệ thống từ láy hiện nay liên tục được mở rộng giúp cho người sử dụng tiếng Việt nói chung và người nghệ sĩ ngôn từ nói riêng có được những phương tiện biểu đạt phong phú và đa dạng.

2) Sự xuất hiện của hệ thống từ láy mới trong thơ Việt Nam đương đại thể hiện năng lực đổi mới, sáng tạo về mặt ngôn ngữ của những con người thế hệ mới. Có thể ở một khía cạnh nào đó, một số từ láy mới chưa đáp ứng được nhu cầu biểu hiện, còn rơi vào việc cách tân từ ngữ có sự đánh đố người dùng. Vì thế, hệ thống này cần có sự tác động tích cực của con người trong công cuộc định hướng sự phát triển của từ vựng nói chung. Đây là trách nhiệm của mỗi người sử dụng ngôn ngữ.

3) Trước những thay đổi to lớn của xã hội, các cơ chế cấu tạo từ cũng phải vận động, biến đổi và phát triển. Sự vận động ấy nhằm đáp ứng nhu cầu biểu đạt đời sống tinh thần của con người đương đại. Đây cũng là xu hướng tất yếu của ngôn ngữ trong giai đoạn hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1986), *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Hà Quang Năng (2005), *Dạy và học từ láy ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.
4. Hà Quang Năng (chủ biên) (2009), *Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Viện Ngôn ngữ học (1995), *Từ điển từ láy tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

**DẪN LIỆU:** các tập thơ và bài thơ:

1. Nguyễn Duy: *Về* (1994), *Bụi* (1997).
2. Dư Thị Hoàn: *Suối nhỏ* (1988).
3. Trần Hoàng Thiên Kim: *Vọng mùa* (2001), *Những trò đùa có lỗi* (2004), *Mưa tượng hình* (2011).
4. Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh: *Mềm sống, Uống một ngụm nước biển, Em giấu gì ở trong lòng thế, Bé tập tó* (thivien.net).
4. Vi Thùy Linh: *Khát* (1999), *Linh* (2000), *Đồng tử* (2005).
5. Mai Văn Phan: *Giọt nắng* (1992), *Gọi xanh* (1995), *Câu nguyện ban mai* (1997), *Nghi lễ nhận tên* (1999), *Vách nước* (2003), *Hôm sau* (2009), *Và đột nhiên gió thổi* (2009), *Bầu trời không mái che* (2010).
6. Nguyễn Quang Thiều: *Sự mất ngủ của lừa* (1992), *Những người lính của làng* (1996), *Nhịp điệu châu thổ mới* (1997).
7. Phan Huyền Thư: *Nằm nghiêng* (2002), *Rỗng ngực* (2005), *Sẹo độc lập* (2014).
8. Bình Nguyên Trang: *Lối về* (1995), *Những bông hoa đang thien* (2012), *Những người đàn bà trở về* (2016).

**Abstract:** Vietnamese poetry consist of variety of creative expressions. One of those is the expression in language use. Many new words were made to reflect the author's views of life, innermost feeling, ways of thinking and emotion. In the lively picture of word formation, alliterative expressions seem to appear with high frequency. They are the phonetical combination of syllables which characterizes the word meaning and especially expresses the feeling and emotion, and helps to describe life around people. Alliterative words also help to enliven and diversify the picture of literature language in particular and the picture of Vietnamese word formation in general.

**Key words:** alliterative words; Vietnamese contemporary poetry.